

Số: *531*/BC-SCT

Quảng Trị, ngày *23* tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI
THÁNG 4 NĂM 2020

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 04/2020 tăng 5,54% so với tháng trước và giảm 0,23% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 9,16%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 3,01%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,24%; Riêng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 1,85% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2020, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,67% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 9,03% của cùng kỳ năm 2019. Trong đó: Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có xu hướng chững lại do ảnh hưởng của dịch COVID-19 (+5,51%); Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 17,46%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 4,51%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,74% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong 4 tháng đầu năm 2020 tăng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Quặng inmenit tăng 118,94%; tinh bột sắn tăng 47,55%; xi măng tăng 24,2%. Một số sản phẩm duy trì mức tăng ổn định như: Bộ com-lê, quần áo tăng 8,39%; quặng zircon tăng 8,29%; điện thương phẩm tăng 7,14%; nước máy tăng 4,22%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Phân hóa học giảm 0,72%; điện sản xuất giảm 1,53%; tấm lợp pro xi măng giảm 4,52%; lốp xe các loại giảm 12,62%; săm xe các loại giảm 32,61%; gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 34,66%; ván ép giảm 41,88% so với tháng cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại

Tháng 4/2020, các hoạt động kinh doanh gặp khó khăn bởi dịch bệnh và biện pháp cấp bách phòng chống dịch Covid -19, nhiều hoạt động kinh doanh, dịch vụ phải tạm dừng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trong tháng chỉ đạt 1.909,24 tỷ đồng, giảm mạnh (-21,02%) so với tháng trước và giảm 23,77% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung, trong 4 tháng đầu năm nay ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 và Nghị định 100/2019/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ đã dẫn đến tình hình kinh doanh thương mại, dịch vụ gặp rất nhiều khó khăn, các chỉ tiêu tăng trưởng của ngành thương mại -dịch vụ đạt mức thấp so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Cụ thể, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 9.648,69 tỷ đồng, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm trước, đạt 28,8% so với kế hoạch năm. Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 8.585,4 tỷ đồng, tăng 0,88% và doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 1.063,28 tỷ đồng, giảm 23,84% so cùng kỳ năm trước.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch và thành lập Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh lần thứ 5 năm 2020; Tổ chức ý kiến tham gia đối với Kế hoạch và thành lập BCD và tổ giúp việc BCD tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hoá chất tỉnh Quảng Trị”.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm" năm 2020; Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đối với Trạm nạp LPG vào chai; Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020 theo Quyết định số 1288/QĐ-CP ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Báo cáo công tác quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu đề xuất đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 2. Đề xuất UBND tỉnh bổ sung Cụm dự án nhà máy điện gió Quảng Trị Win 1 ÷ 6 vào Quy hoạch phát triển điện lực; Thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110kV đấu nối các Dự án nhà máy điện gió Hướng Phùng 1, 2, 3 và Gelex 1, 2, 3 vào lưới điện quốc gia.

- Triển khai các gói thầu thuộc Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ. Tổ chức lấy ý kiến đối với Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành về cơ chế liên thông cấp điện từ lưới điện trung áp, hạ áp. Tuyên truyền tiết kiệm điện và hưởng ứng sự kiện Giờ trái đất 2020; Thực hiện hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch COVID-19.

- Xây dựng Kế hoạch hợp tác phát triển về lĩnh vực Công Thương giữa tỉnh Quảng Trị và thành phố Hà Nội năm 2020; Đề xuất tổ chức Hội chợ Thương mại Khu vực Bắc Trung Bộ - Nhịp cầu xuyên Á – Quảng Trị năm 2021; Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 – 2020.

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại tiêu thụ nông sản ứng phó dịch bệnh Covid-19. Đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh tại chợ, siêu thị, doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh mặt hàng thiết yếu trên địa bàn. Đảm bảo cung ứng các mặt hàng thiết yếu và ổn định thị trường trong thời gian cách ly toàn xã hội.

- Tăng cường thực hiện các quy định trong kinh doanh xăng dầu. Thành lập và triển khai Đoàn khảo sát, lựa chọn các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thụ công

7
nghiệp của tỉnh để hỗ trợ, kết nối vào các siêu thị, chuỗi bán lẻ. Tổ chức làm việc với các đơn vị liên quan về công tác chuyển đổi mô hình quản lý chợ.

- Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Báo cáo sơ kết 01 năm thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Rà soát văn bản quy phạm pháp luật và cung cấp thông tin, phản ánh về vướng mắc, hạn chế của hệ thống pháp luật.

- Hướng dẫn công tác soạn thảo, ban hành văn bản hành chính theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Báo cáo tổng kết tình hình 08 năm thực hiện Luật Lưu trữ; Triển khai Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 10/01/2020, Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19; Tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19.

III. Một số nhiệm vụ công tác trọng tâm tháng 5 năm 2020

- Đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh và đề xuất giải pháp nâng cao chỉ số mức độ hoàn thành nhiệm vụ, cải cách hành chính của Sở năm 2020.

- Hoàn thiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 – 2025. Triển khai thực hiện chương trình khuyến công tỉnh và quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2020. Khảo sát, đánh giá năng lực sản xuất công nghiệp mới tăng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Đề cương nhiệm vụ, Dự toán và kịch bản diễn tập ứng phó sự cố hóa chất tỉnh theo Kế hoạch của UBND tỉnh. Tổ chức lớp huấn luyện định kỳ về kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp cho các đơn vị sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Triển khai công tác bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu năm 2020.

Tham mưu xây dựng và trình phê duyệt Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết 09/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến công. Xây dựng Dự thảo sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh về Ban hành quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Hoàn chỉnh dự thảo Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 55-NQ-TW của Bộ Chính trị. Tiếp tục theo dõi đôn đốc thực hiện đầu tư của các dự án năng lượng trên địa bàn.

- Phối hợp với Ban quản lý Dự án lưới điện miền Trung về phương án cắt điện để thi công công trình nâng cấp đường dây 110kV Đông Hà - Khe Sanh; Đề xuất các dự án điện sinh khối.

- Hoàn thiện và gửi Sở Tư pháp thẩm định Quy chế phối hợp quản lý hoạt động thương mại biên giới; Tiếp tục thực hiện các Đề án xúc tiến thương mại năm 2020 do Sở Công Thương làm đơn vị chủ trì.

- Tham mưu đề xuất các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng ngành thương mại – dịch vụ trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao tỷ trọng ngành thương mại dịch vụ đạt chỉ tiêu đề ra. Tiếp tục thực hiện các đề án hỗ trợ kênh tiêu thụ sản phẩm địa phương theo Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định 157/QĐ-SCT ngày 19/12/2019 của Giám đốc Sở Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2020. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch tăng cường công tác pháp chế của Sở; Đăng ký tham gia vào mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành Công Thương.

- Đơn đốc thực hiện các nội dung cam kết giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình công tác trọng tâm năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Triển khai thực hiện các nội dung liên quan tại Thông báo Kết luận của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại buổi làm việc với tỉnh Quảng Trị.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch cải cách hành chính năm 2020; Phối hợp tổ chức cung ứng dịch vụ công mức độ cao của Sở. Đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính; Rà soát, đề xuất sửa đổi, bãi bỏ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 69 năm ngày truyền thống ngành Công Thương (14/5/2020); Triển khai các hoạt động chào mừng Đại hội Chi bộ Sở Công Thương lần thứ III, nhiệm kỳ 2020-2025.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại và công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 4 năm 2020; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh./

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- VP Tỉnh ủy; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê Quảng Trị;
- GD, các PGD Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.



Nguyễn Hữu Hưng



BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 4 và 4 tháng năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	805	921	3700	421	2403	114,45%	218,94%	153,96%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	564,13	565	2181	522	1825	100,21%	108,29%	119,51%
3	Tinh bột sắn	Tấn	9733	8872	35985	6013	33089	91,16%	147,55%	108,75%
4	Bia lon	1000 lít	0	0	1999	1172	4256	-	0,00%	46,97%
5	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	758	600	3233	1052	3996	79,11%	57,03%	80,90%
6	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	1694,91	1899	6112	1752	5429	112,03%	108,39%	112,59%
7	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	4968	4268	21819	6532	26849	85,90%	65,34%	81,27%
8	Dăm gỗ	Tấn	29607	25672	103873	28364	96191	86,71%	90,51%	107,99%
9	Ván ép	M3	14124	10000	54927	17207	68521	70,80%	58,12%	80,16%
10	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	541	550	1551	554	1696	101,66%	99,28%	91,45%
11	Phân hoá học (NPK)	Tấn	3927	4500	18929	5833	22109	114,59%	99,28%	85,62%
12	Lốp xe các loại	1000 cái	262	180	880	206	827	68,65%	87,38%	106,45%
13	Săm xe các loại	1000 cái	475	310	1609	460	1731	65,26%	67,39%	92,96%
14	Xi măng	Tấn	28723	30500	94998	24558	74916	106,19%	124,20%	126,81%
15	Tấm lợp pro xi măng	1000 m ²	426	360	1407	377	1191	84,56%	95,48%	118,14%
16	Điện sản xuất	Triệu KWh	55	66	228	67	225	120,14%	98,47%	101,39%
17	Điện thương phẩm	Triệu KWh	54	60	227	56	210	111,61%	107,14%	108,26%
18	Nước máy	1000 m ³	1027	1160	4438	1113	4306	112,94%	104,22%	103,08%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2417,47	1909,24	9648,69	2504,71	9906,66	78,98%	76,23%	97,40%
1	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	2153,56	1780,16	8585,40	2138,07	8510,51	82,66%	83,26%	100,88%
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		263,90	129,08	1063,28	366,64	1396,15	48,91%	35,21%	76,16%
2,1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	184,67	83,10	729,97	269,20	1007,13	45,00%	30,87%	72,48%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		184,67	83,10	727,60	269,20	995,76	45,00%	30,87%	73,07%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0,00	0,00	2,37	-	11,37	0,00%	0,00%	20,87%
2,2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	79,23	45,98	333,31	97,44	389,02	58,03%	47,19%	85,68%



CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
Tháng 4 và 4 tháng năm 2020

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 3/2020		Dự ước tháng 4/2020			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 4/2020 so với tháng 4/2019
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	139,86	100,14	147,61	105,54	99,76	105,67
1. Công nghiệp khai khoáng	88,80	121,11	98,94	111,42	109,16	117,46
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	147,08	101,04	151,12	102,75	98,15	105,15
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	148,50	91,47	170,96	115,12	103,01	104,51
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	98,15	90,51	110,92	113,01	102,24	101,47